

Bản án số: 474/2018/DS-ST

Ngày: 26-7-2018

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Liên

Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trúc Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2018/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. Địa chỉ: đường Q, Phường R, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lã Ngọc M là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 01 năm 2018); Ông M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Châu Vi C. Địa chỉ: đường E, Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21 tháng 12 năm 2017, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Lã Ngọc M đều trình bày: Ngày 24/5/2007, ông Châu Vi C có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản

Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông C, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 201.656.082 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông C đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 216.672.529 đồng. Theo bản điều khoản và điều kiện áp dụng thanh toán là trừ các khoản phí, lãi sau đó còn lại mới trừ vào giao dịch (rút tiền) nên số tiền gốc sau khi trừ hết các khoản phí, lãi phát sinh còn nợ là 22.592.032 đồng. Do ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 01/9/2014 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Sau khi chuyển nợ quá hạn thì vào ngày 23/6/2017, ông C có thanh toán thêm số tiền 2.096.785 đồng (được trừ vào nợ gốc) và đây là lần thanh toán cuối cùng cho đến nay thì ngưng thanh toán tiếp, vì vậy số tiền nợ gốc hiện tại là 20.495.247 đồng. Tính đến ngày 26/7/2018, ông C còn nợ các khoản sau: Nợ gốc 20.495.247 đồng, lãi quá hạn 33.708.204 đồng, tổng cộng 54.203.451 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông C trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/7/2018 là 54.203.451 đồng, trong đó nợ gốc 20.495.247 đồng, lãi quá hạn 33.708.204 đồng; Và khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 27/7/2018 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ.

Bị đơn, ông Châu Vi C vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát. Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp, sự vắng mặt của các đương sự.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả nợ, đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thường trú tại quận Tân Bình, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử, mặc dù đã được Tòa án thực hiện thủ tục niêm yết theo quy định nhưng vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2

Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Căn cứ vào Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 24/5/2007 giữa Ngân hàng và ông Châu Vi C thì ông C được Ngân hàng duyệt cấp thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, căn cứ vào các bản sao kê do nguyên đơn cung cấp thì phía bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 201.656.082 đồng. Theo xác nhận của nguyên đơn, quá trình sử dụng thẻ bị đơn đã thanh toán tổng số tiền 216.672.529 đồng. Theo thỏa thuận tại bản điều khoản và điều kiện áp dụng thanh toán là trừ các khoản phí, lãi sau đó còn lại mới trừ vào giao dịch (rút tiền). Do vậy, sau khi trừ đi các khoản phí, lãi nêu trên thì số tiền gốc bị đơn còn nợ là 22.592.032 đồng. Đến ngày 23/6/2017, bị đơn thanh toán 2.096.785 đồng và được nguyên đơn trừ vào nợ gốc nên số tiền nợ gốc còn lại là 20.495.247 đồng. Như vậy, tính đến ngày 26/7/2018, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc 20.495.247 đồng chưa trả nên bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn.

[3.2] Về tiền lãi quá hạn: Căn cứ vào thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ thì yêu cầu tính lãi của nguyên đơn có cơ sở được chấp nhận. Tính đến ngày 26/7/2018, số tiền lãi quá hạn nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là 33.708.204 đồng.

Như vậy, tổng cộng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 54.203.451 đồng (gồm 20.495.247 đồng nợ gốc và 33.708.204 đồng tiền lãi).

[3.3] Về thời hạn: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn thanh toán ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm là 54.203.451 đồng x 5% = 2.710.172 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn lại án phí tạm nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 179; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; 238, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 463 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Ông Châu Vi C phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A 54.203.451 đồng (gồm 20.495.247 đồng gốc và 33.708.204 đồng tiền lãi) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 27/7/2018, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ, bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Châu Vi C phải chịu án phí sơ thẩm là 2.710.172 đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.187.643 đồng theo biên lai thu tiền số 0007562 ngày 08/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận

- Các đương sự;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh;
- THADS quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Kim Thương